**QUY TRÌNH ĐẤU THẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BIÊN SOẠN** | **KIỂM TRA** | **PHÊ DUYỆT** |
| **CHUYÊN VIÊN**  **KTCN** | **PHÓ TRƯỞNG PHÒNG KTCN** | **TỔNG GIÁM ĐỐC** |
| **Trần Nguyên An** | **Nguyễn Trọng Hiếu** | **Võ Thanh Phong** |

**I. Mục đích**

Hướng dẫn chuyên viên đầu tư hoặc cá nhân, tổ chức liên quan các bước thực hiện đấu thầu tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang (VIMC Hậu Giang).

Đảm bảo các dự án được thực hiện minh bạch, công khai, và công bằng trong việc lựa chọn nhà thầu. Đồng thời tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành.

**II. Phạm vi**

Áp dụng cho các gói thầu thuộc dự án đầu tư của VIMC Hậu Giang.

**III. Tài liệu liên quan**

- [Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023;](https://dauthau.gxd.vn/van-ban/luat/luat-dau-thau-22-2023.html)

- [Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;](https://dauthau.gxd.vn/van-ban/dau-thau/nghi-dinh-24-2024.html)

- [Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ kế hoạch và đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;](https://dauthau.gxd.vn/van-ban/dau-thau/thong-tu-08-2022-TT-BKHDT.html)

- Các Quy định nội bộ có liên quan của VIMC.

**IV. Chú thích**

**1. Giải thích thuật ngữ:**

- VIMC Hậu Giang: Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang.

- P. KTCN: Phòng Kỹ thuật - Công nghệ.

- HĐTV: Hội đồng thành viên.

- TGĐ: Tổng giám đốc.

- ĐTRR: Đấu thầu rộng rãi.

- ĐTHC: Đấu thầu hạn chế

- RACI: Ma trận RACI là một kỹ thuật nhằm làm rõ các công việc, trách nhiệm, quyền hạn của các cá nhân hoặc đơn vị, viết tắt của các chữ:

+ **R = Responsible:** Đơn vị/Cá nhân chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công việc.

**+ A = Accountable:** Đơn vị/Cá nhân trực tiếp thực hiện thẩm quyền quyết định/phê duyệt.

**+ C = Consulted:** Đơn vị/Cá nhân được lấy ý kiến tham mưu.

**+ I = Informed:** Đơn vị/Cá nhân được cung cấp thông tin khi có quyết định/phê duyệt.

**2. Giải thích lưu đồ**

Các bước xử lý

Bắt đầu/Kết thúc

Kết nối các bước xử lý

Điều kiện rẽ nhánh

**V. Nội dung quy trình**

**1. Lưu đồ**

***1.1. Quy trình lựa chọn nhà thầu ĐTRR và ĐTHC theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.***

Không

- CĐT/BMT (thuê tư vấn)

**-** Tổ chuyên gia

- Tổ thẩm định

- Chủ đầu tư

- Bên mời thầu

- Bên mời thầu

- Bên mời thầu

- Tổ chuyên gia

- Bên mời thầu

- Tổ thẩm định

- Chủ đầu tư

- Chủ đầu tư

- Chủ đầu tư/Bên mời thầu và nhà thầu

- Chủ đầu tư

- Chủ đầu tư

[trong vòng 06 tháng khi kết thúc HĐ và sau thời gian bảo hành ( >6tháng)]

Bước 2: Tổ chức lựa chọn nhà thầu

Bước 1: Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu

Lập HSMT

Thẩm định HSMT

Phê duyệt HSMT

Không

Mời thầu

Mở thầu

Đăng tải, phát hành,

sửa đổi, làm rõ HSMT

Thành lập TCG/TTĐ

Bước 5: Hoàn thiện ký kết, quản lý thực hiện hợp đồng

Hoàn thiện HĐ

Ký hợp đồng

Có

Trình KQLCNT

Bước 4: Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai KQLCNT

Thẩm định KQLCNT

Công khai KQLCNT

Phê duyệt

Kiểm tra đánh giá tính hợp lệ

Đánh giá về năng lực kinh nghiệm

Đánh giá về kỹ thuật

Xác định giá thấp nhất/giá đánh giá

Bước 3: Đánh giá hồ sơ dự thầu

Xếp hạng nhà thầu (nếu hơn 1 nhà thầu)



**Công khai kết quả thực hiện Hợp đồng và chất lượng hàng hóa**

Đối chiếu tài liệu

Có

Bước 7: Hoàn thiện ký kết, quản lý thực hiện hợp đồng

***1.2. Quy trình lựa chọn nhà thầu ĐTRR và ĐTHC theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.***

Mở hồ sơ đề xuất tài chính của các nhà thầu trong danh sách được duyệt

HSDT

Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất TC

Đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về TC

Bước 4: Mở và đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính

Xếp hạng nhà thầu (nếu hơn 1 nhà thầu) (nếu hơn 1 nhà thầu) (nếu hơn 1 nhà thầu)

Đăng tải, phát hành, sửa đổi, làm rõ HSMT

Mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật

Mời thầu

Mở thầu

Bước 3: Đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật

Bước 2: Tổ chức lựa chọn nhà thầu

Bước 6: Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai KQLCNT

Bước 5: Thương thảo hợp đồng (nếu có)

**Công khai kết quả thực hiện Hợp đồng và chất lượng hàng hóa**

Lập HSMT

Thẩm định HSMT

Phê duyệt

Không

Thành lập TCG/TTĐ

Có

Có

Trình, thẩm định DS đáp ứng về KT

Phê duyệt DS đáp ứng về KT

Kiểm tra tính hợp lệ

Đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về KT

Không

- Chủ đầu tư/Bên mời thầu (thuê tư vấn)

- Tổ chuyên gia

- Tổ thẩm định

- Chủ đầu tư

- Bên mời thầu

- Bên mời thầu

- Bên mời thầu

- Bên mời thầu

- Tổ chuyên gia

- Tổ chuyên gia

- Bên mời thầu/Tổ thẩm định

- Chủ đầu tư

- Bên mời thầu

- Tổ chuyên gia

- Tổ chuyên gia

- Tổ chuyên gia

- Bên mời thầu

- Bên mời thầu

- Tổ thẩm định

- Chủ đầu tư

- Chủ đầu tư

- Chủ đầu tư/Bên mời thầu và nhà thầu

- Chủ đầu tư

- Chủ đầu tư

[trong vòng 06 tháng khi kết thúc HĐ và sau thời gian bảo hành ( >6tháng)]

Hoàn thiện HĐ

Ký kết hợp đồng

Công khai KQLCNT

Trình KQLCNT

Thẩm định KQLCNT

Phê duyệt

Thương thảo HĐ

Bước 1: Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu

***1.3. Quy trình chỉ định thầu thông thường***

Hoàn thiện HĐ

Ký hợp đồng

Không

Không

Xếp hạng nhà thầu (nếu hơn 1 nhà thầu)

Có

Trình KQLCNT

Bước 4: Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai KQLCNT

Thẩm định KQLCNT

Công khai KQLCNT

Phê duyệt

Kiểm tra đánh giá tính hợp lệ

Đánh giá về năng lực kinh nghiệm

Đánh giá về kỹ thuật

Xác định giá chỉ định thầu/giá thấp nhất

Lập HSYC

Thẩm định HSYC

Phê duyệt HSMT

Mời thầu

Mở thầu

Phát hành,

cho nhà thầu dự kiến (một hoặc tối thiểu 03)

Thành lập TCG/TTĐ

Bước 5: hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng

- CĐT/BMT (thuê tư vấn)

**-** Tổ chuyên gia

- Tổ thẩm định

- Chủ đầu tư

- Bên mời thầu

- Bên mời thầu

- Bên mời thầu

- Tổ chuyên gia

- Bên mời thầu

- Tổ thẩm định

- Chủ đầu tư

- Chủ đầu tư

- Chủ đầu tư/Bên mời thầu và nhà thầu

- Chủ đầu tư

- Chủ đầu tư

[trong vòng 06 tháng khi kết thúc HĐ và sau thời gian bảo hành ( >6tháng)]

Bước 2: Tổ chức lựa chọn nhà thầu

Bước 1: Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu

Bước 3: Đánh giá hồ sơ đề xuất

**Công khai kết quả thực hiện Hợp đồng và chất lượng hàng hóa**

Thương thảo hợp đồng (nếu có)

***1.4. Quy trình chỉ định thầu rút gọn***

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện gói thầu, các bên phải hoàn thiện thủ tục chỉ định thầu.

Bước 1: Chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng

Bước 2: Hoàn thiện hợp đồng, trình, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

Có

Ký kết hợp đồng

Quản lý thực hiện hợp đồng

Trình kết quả chỉ định thầu

Công khai kết quả chỉ định thầu

Phê duyệt

Không

Bước 3: Ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng

Chuẩn bị dự thảo hợp đồng

Hoàn thiện hợp đồng

- Bên mời thầu

- Bên mời thầu và nhà thầu

- Bên mời thầu

- Chủ đầu tư

- Chủ đầu tư

- Chủ đầu tư

- Chủ đầu tư

**2**. **Diễn giải các bước**

**2.1. Quy trình lựa chọn nhà thầu đấu thầu rộng rãi và đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ**

**Bước 1:** Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu

- Thành lập tổ chuyên gia, tổ thẩm định: Chủ đầu tư/ bên mời thầu thành lập tổ chuyên gia, tổ thẩm định.

- Lập HSMT: Bên mời thầu lập hồ sơ mời thầu (HSMT) theo quy định tại Điều 24 Nghị định 24/2024/NĐ-CP.

- Thẩm định HSMT: HSMT phải được thẩm định theo quy định tại Điều 129 Nghị định 24/2024/NĐ-CP.

- Phê duyệt HSMT: Việc phê duyệt HSMT phải căn cứ vào tờ trình phê duyệt và báo cáo thẩm định HSMT.

**Bước 2:** Tổ chức lựa chọn nhà thầu

- Mời thầu:

Thông báo mời thầu được áp dụng đối với trường hợp không áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn.

Trường hợp gói thầu áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn, thư mời thầu được gửi đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn.

- Đăng tải, phát hành, sửa đổi, làm rõ HSMT:

HSMT được phát hành trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Việc phát hành, sửa đổi, làm rõ HSMT thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định 24/2024/NĐ-CP.

- Mở thầu: Việc mở thầu tiến hành công khai và và bắt đầu ngay trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm đóng thầu.

**Bước 3:** Đánh giá hồ sơ dự thầu (HSDT)

**-** Kiểm tra đánh giá tính hợp lệ, đánh giá về năng lực kinh nghiệm, đánh giá về kỹ thuật, xác định giá chỉ định thầu/giá thấp nhất: Thực hiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định 24/2024/NĐ-CP.

- Xếp hạng nhà thầu (trường hợp nhiều hơn 1 nhà thầu): Thực hiện theo quy định trong HSMT.

**Bước 4:** Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai KQLCNT

Việc trình, thẩm định, phê duyệt và công khai KQLCNT thực hiện theo Điều 31 Nghị định 24/2024/NĐ-CP.

Trên cơ sở báo cáo kết quả đánh giá HSDT, bên mời thầu trình kết quả lựa chọn nhà thầu trong đó nêu rõ ý kiến của bên mời thầu về các nội dung đánh giá của tổ chuyên gia.

Kết quả lựa chọn nhà thầu được thẩm định theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 130 Nghị định 24/2024/NĐ-CP trước khi phê duyệt.

Kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt căn cứ vào tờ trình phê duyệt và báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

**Bước 5:** Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng

Việc hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng thực hiện theo Điều 32 và Điều 33 Nghị định 24/2024/NĐ-CP.

**2.2. Quy trình lựa chọn nhà thầu đấu thầu rộng rãi và đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ**

**Bước 1:** Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu

- Thành lập tổ chuyên gia, tổ thẩm định: Chủ đầu tư/ bên mời thầu thành lập tổ chuyên gia, tổ thẩm định.

- Lập HSMT: Bên mời thầu lập hồ sơ mời thầu (HSMT) theo quy định tại Điều 35 Nghị định 24/2024/NĐ-CP.

- Thẩm định HSMT: HSMT phải được thẩm định theo quy định tại Điều 129 Nghị định 24/2024/NĐ-CP.

- Phê duyệt HSMT: Việc phê duyệt HSMT phải căn cứ vào tờ trình phê duyệt và báo cáo thẩm định HSMT.

**Bước 2:** Tổ chức lựa chọn nhà thầu

- Mời thầu:

Thông báo mời thầu được áp dụng đối với trường hợp không áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn.

Trường hợp gói thầu áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn, thư mời thầu được gửi đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn.

- Đăng tải, phát hành, sửa đổi, làm rõ HSMT:

HSMT được phát hành trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Việc phát hành, sửa đổi, làm rõ HSMT thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định 24/2024/NĐ-CP.

- Mở thầu: Bên mời thầu chỉ mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, việc mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật phải được tiến hành công khai và bắt đầu ngay trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm đóng thầu.

**Bước 3:** Đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật (HSĐXKT)

**-** Kiểm tra tính hợp lệ HSĐXKT: Tổ chuyên gia kiểm tra các thành phần của HSĐXKT và tính thống nhất về nội dung giữa bản gốc và bản chụp.

- Đánh giá chi tiết HSĐXKT: Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ, đánh giá về năng lực kinh nghiệm, đánh giá về kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 40 Nghị định 24/2024/NĐ-CP.

- Trình, thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật: Trên cơ sở báo cáo kết quả đánh giá HSĐXKT, bên mời thầu trình danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong đó nêu rõ ý kiến của bên mời thầu về các nội dung đánh giá của tổ chuyên gia.

Danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được thẩm định theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 130 Nghị định 24/2024/NĐ-CP trước khi phê duyệt.

- Phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật: chủ đầu tư phê duyệt căn cứ vào tờ trình phê duyệt và báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

**Bước 4:** Mở và đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính (HSĐXTC)

**-** Mở hồ sơ đề xuất tài chính của các nhà thầu trong danh sách được duyệt: Bên mời thầu chỉ mở HSĐXTC của nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

**-** Kiểm tra tính hợp lệ của HSĐXTC: Tổ chuyên gia kiểm tra các thành phần của HSĐXTC và tính thống nhất về nội dung giữa bản gốc và bản chụp.

- Đánh giá chi tiết HSĐXTC và xếp hạng nhà thầu: Tổ chuyên gia thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định trong HSMT. Sau khi hình thành danh sách xếp hạng nhà thầu, tổ chuyên gia lập báo cáo gửi bên mời thầu xem xét.

**Bước 5:** Thương thảo hợp đồng (nếu có)

Trường hợp áp dụng thương thảo hợp đồng, nhà thầu xếp hạng thứ nhất được bên mời thầu mời đến thương thảo hợp đồng.

Trường hợp thương thảo không thành công, bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

**Bước 6:** Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai KQLCNT

Việc trình, thẩm định, phê duyệt và công khai KQLCNT thực hiện theo Điều 31 Nghị định 24/2024/NĐ-CP.

**Bước 7:** Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng

Việc hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng thực hiện theo Điều 32 và Điều 33 Nghị định 24/2024/NĐ-CP.

**2.3. Quy trình chỉ định thầu thông thường**

**Bước 1:** Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu

- Thành lập tổ chuyên gia, tổ thẩm định: Chủ đầu tư/ bên mời thầu thành lập tổ chuyên gia, tổ thẩm định.

- Lập hồ sơ yêu cầu (HSYC): Tổ chuyên gia lập HSYC nội dung bao gồm: thông tin tóm tắt về dự án, gói thầu; chỉ dẫn việc chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất (HSĐX); tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu; tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, xác định giá thấp nhất, điều kiện hợp đồng.

- Thẩm định HSYC: HSYC được thẩm định trước khi phê duyệt.

- Phê duyệt HSYC: Việc phê duyệt HSYC căn cứ vào tờ trình phê duyệt và báo cáo thẩm định HSYC.

**Bước 2:** Tổ chức lựa chọn nhà thầu

- Phát hành cho nhà thầu dự kiến (một hoặc tối thiểu 03 nhà thầu): HSYC được phát hành cho các nhà thầu có tên trong danh sách được mời nhận HSYC.

- Mở thầu: Bên mời thầu tiến hành mở thầu sau thời điểm đóng thầu.

**Bước 3:** Đánh giá HSĐX

**-** Kiểm tra đánh giá tính hợp lệ, đánh giá về năng lực kinh nghiệm, đánh giá về kỹ thuật, xác định giá chỉ định thầu/giá thấp nhất: Thực hiện theo quy định tại Điều 30 hoặc Điều 67 và Điều 68 Nghị định 24/2024/NĐ-CP.

- Xếp hạng nhà thầu (trường hợp nhiều hơn 1 nhà thầu): Thực hiện theo quy định trong HSYC.

- Thương thảo hợp đồng (nếu có): Trường hợp áp dụng thương thảo hợp đồng, bên mời thầu mời nhà thầu xếp hạng thứ nhất đến thương thảo hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

**Bước 4:** Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

Việc trình, thẩm định, phê duyệt và công khai KQLCNT thực hiện theo Điều 31 Nghị định 24/2024/NĐ-CP.

**Bước 5:** Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng

Hợp đồng ký kết phải phù hợp với quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, HSĐX, HSYC và các tài liệu liên quan khác. Việc hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng thực hiện theo Điều 32 và Điều 33 Nghị định 24/2024/NĐ-CP.

**2.4. Quy trình chỉ định thầu rút gọn**

**Bước 1:** Chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu: Bên mời thầu căn cứ vào mục tiêu, phạm vi công việc để chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu được chủ đầu tư dự kiến có khả năng thực hiện gói thầu.

**Bước 2:** Hoàn thiện hợp đồng, trình, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu: trên cơ sở dự thảo hợp đồng, bên mời thầu và nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu tiến hành hoàn thiện hợp đồng làm cơ sở để trình, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng.

**Bước 3:** Ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng: Hợp đồng ký kết phải phù hợp với quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và các tài liệu liên quan khác. Việc quản lý thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định 24/2024/NĐ-CP.

**VI. Ma trận vai trò RACI & KPI quy trình**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bước thực hiện** | **Bên mời thầu (P. KTCN)** | **HĐTV/**  **TGĐ** | **Tổ chuyên gia** | **Tổ thẩm định** | **KPI** |
| **1. Quy trình lựa chọn nhà thầu đấu thầu rộng rãi và đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ** | | | | | |
| **Bước 1:** Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu |  |  |  |  |  |
| - Thành lập tổ chuyên gia, tổ thẩm định. | R | A | I | I | 1 ngày |
| - Lập HSMT | C |  | R |  | 20 ngày |
| - Thẩm định HSMT |  |  |  | R | 7 ngày |
| - Phê duyệt HSMT | I | A | I | I | 3 ngày |
| **Bước 2:** Tổ chức lựa chọn nhà thầu |  |  |  |  |  |
| - Mời thầu | R | A |  |  | 20 ngày |
| - Đăng tải, phát hành, sửa đổi, làm rõ HSMT | R | A |  |  |
| - Mở thầu | R | I |  |  | 2 giờ |
| **Bước 3:** Đánh giá hồ sơ dự thầu |  |  | R |  | 30 ngày |
| **Bước 4:** Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai KQLCNT |  |  |  |  |  |
| - Trình phê duyệt KQLCNT | R |  |  |  | 1 ngày |
| - Thẩm định KQLCNT |  |  |  | R | 7 ngày |
| - Phê duyệt KQLCNT | I | A | I | I | 3 ngày |
| - Công khai KQLCNT | R | I |  |  | 1 giờ |
| **Bước 5:** Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng |  |  |  |  |  |
| - Hoàn thiện hợp đồng | R | I |  |  | 1 ngày |
| - Ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng | I | A |  |  | 1 giờ |
| - Công khai kết quả thực hiện hợp đồng và chất lượng hàng hóa | R | I |  |  | 1 giờ |
| **2. Quy trình lựa chọn nhà thầu đấu thầu rộng rãi và đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ** | | | | | |
| **Bước 1:** Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu |  |  |  |  |  |
| - Thành lập tổ chuyên gia, tổ thẩm định. | R | A | I | I | 1 ngày |
| - Lập HSMT | C |  | R |  | 20 ngày |
| - Thẩm định HSMT |  |  |  | R | 7 ngày |
| - Phê duyệt HSMT | I | A | I | I | 3 ngày |
| **Bước 2:** Tổ chức lựa chọn nhà thầu |  |  |  |  |  |
| - Mời thầu | R | A |  |  | 20 ngày |
| - Đăng tải, phát hành, sửa đổi, làm rõ HSMT | R | A |  |  |
| - Mở thầu: mở HSĐXKT | R | I |  |  | 2 giờ |
| **Bước 3:** Đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật |  |  |  |  |  |
| - Kiểm tra tính hợp lệ HSĐXKT, đánh giá chi tiết HSĐXKT |  |  | R |  | 20 ngày |
| - Trình danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật | R |  |  |  | 1 ngày |
| - Thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật |  |  |  | R | 7 ngày |
| - Phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật | I | A | I | I | 3 ngày |
| **Bước 4:** Mở và đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính |  |  |  |  |  |
| **-** Mở hồ sơ đề xuất tài chính | R |  |  |  | 2 giờ |
| **-** Kiểm tra tính hợp lệ của HSĐXTC |  |  | R |  | 15 ngày |
| - Đánh giá chi tiết HSĐXTC |  |  | R |  |
| - Xếp hạng nhà thầu | I |  | R |  |
| **Bước 5:** Thương thảo hợp đồng (nếu có) | R | I |  |  | 1 ngày |
| **Bước 6:** Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai KQLCNT |  |  |  |  |  |
| - Trình phê duyệt KQLCNT | R |  |  |  | 1 ngày |
| - Thẩm định KQLCNT |  |  |  | R | 4 ngày |
| - Phê duyệt KQLCNT | I | A | I | I | 3 ngày |
| - Công khai KQLCNT | R | I |  |  | 1 giờ |
| **Bước 7:** Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng |  |  |  |  |  |
| - Hoàn thiện hợp đồng | R | I |  |  | 1 ngày |
| - Ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng | I | A |  |  | 1 giờ |
| - Công khai kết quả thực hiện hợp đồng và chất lượng hàng hóa | R | I |  |  | 1 giờ |
| **3. Quy trình chỉ định thầu thông thường** | | | | | |
| **Bước 1:** Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu |  |  |  |  |  |
| - Thành lập tổ chuyên gia, tổ thẩm định. | R | A | I | I | 1 ngày |
| - Lập HSYC |  |  | R |  | 10 ngày |
| - Thẩm định HSYC |  |  |  | R | 5 ngày |
| - Phê duyệt HSYC | I | A | I | I | 3 ngày |
| **Bước 2:** Tổ chức lựa chọn nhà thầu |  |  |  |  |  |
| - Mời thầu | R |  |  |  | 3 ngày |
| - Phát hành cho nhà thầu dự kiến (một hoặc tối thiểu 03 nhà thầu) | R |  |  |  |
| - Mở thầu | R | I |  |  | 2 giờ |
| **Bước 3:** Đánh giá HSĐX |  |  |  |  |  |
| **-** Kiểm tra đánh giá tính hợp lệ, đánh giá về năng lực kinh nghiệm, đánh giá về kỹ thuật, xác định giá chỉ định thầu/giá thấp nhất |  |  | R |  | 10 ngày |
| - Xếp hạng nhà thầu |  |  | R |  |
| - Thương thảo hợp đồng (nếu có) | R | I |  |  | 1 ngày |
| **Bước 4:** Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu |  |  |  |  |  |
| - Trình phê duyệt KQLCNT | R |  |  |  | 1 ngày |
| - Thẩm định KQLCNT |  |  |  | R | 4 ngày |
| - Phê duyệt KQLCNT | I | A | I | I | 3 ngày |
| - Công khai KQLCNT | R | I |  |  | 1 giờ |
| **Bước 5:** Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng |  |  |  |  |  |
| - Hoàn thiện hợp đồng | R | I |  |  | 2 ngày |
| - Ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng | I | A |  |  | 1 giờ |
| - Công khai kết quả thực hiện hợp đồng và chất lượng hàng hóa | R | I |  |  | 1 giờ |
| **4. Quy trình chỉ định thầu rút gọn** | | | | | |
| **Bước 1:** Chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu | R | A |  |  | 3 ngày |
| **Bước 2:** Hoàn thiện hợp đồng, trình, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu |  |  |  |  |  |
| - Hoàn thiện hợp đồng | R | I |  |  | 3 ngày |
| - Phê duyệt KQLCNT | I | A |  |  | 3 ngày |
| - Công khai KQLCNT | R | I |  |  | 1 giờ |
| **Bước 3:** Ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng | I | A |  |  | 1 giờ |

**VII. Rủi ro và kiểm soát**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bước thực hiện** | **Rủi ro** | **Kiểm soát** |
| **Bước 1:** Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu | - Sai sót trong việc lập HSMT dẫn đến việc không được phê duyệt, phải lập lại HSMT. | - Lập hồ sơ mời thầu đầy đủ, rõ ràng có các tiêu chí phù hợp với công việc cần thực hiện.  - Đào tạo nhân viên có trình độ chuyên môn. |
| **Bước 2:** Tổ chức lựa chọn nhà thầu | - Không có nhà thầu tham dự dẫn đến phải gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc hủy thầu. | - HSMT công khai, minh bạch, không đưa ra các điều kiện hạn chế các nhà thầu tham dự. |
| **Bước 3:** Đánh giá hồ sơ dự thầu | - Trong quá trình đánh giá Tổ chuyên gia có thiếu sót dẫn đến kết quả đấu thầu không chính xác. | - Chọn nhân viên có trình độ chuyên môn, cẩn thận trong công việc. |
| **Bước 4:** Thương thảo hợp đồng (nếu có) | - Thương thảo không thành công. | - Tuân thủ nguyên tắc và nội dung thương thảo hợp đồng theo quy định. |
| **Bước 5:** Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai KQLCNT | - KQLCNT không được phê duyệt, phải đánh giá lại HSDT. | - Trong quá trình đánh giá HSDT tổ chuyên gia phải kiểm tra, rà soát hồ sơ chặt chẽ, làm việc trung thực. |
| **Bước 6:** Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng | - Nhà thầu từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng.  - Nhà thầu không thực hiện hợp đồng hoặc chậm trễ trong việc thực hiện hợp đồng. | - Tuân thủ nguyên tắc hoàn thiện hợp đồng.  - Lựa chọn nhà thầu có uy tín, kinh nghiệm, năng lực trong lĩnh vực.  - Đưa các điều khoản ràng buộc vào hợp đồng.  - Tăng cường giám sát của chủ đầu tư. |

**VIII. Hồ sơ lưu**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Hồ sơ** | **Người lưu** | **Nơi lưu** | **Thời gian lưu** |
| 1 | Quyết định thành lập tổ chuyên gia, tổ thẩm định. | Chuyên viên đầu tư | P.KTCN | Không xác định |
| 2 | HSMT |
| 3 | Báo cáo thẩm định HSMT |
| 4 | Quyết định phê duyệt HSMT |
| 5 | Thông báo mời thầu |
| 6 | Sửa đổi, làm rõ HSMT |
| 7 | Biên bản mở thầu |
| 8 | Báo cáo đánh giá HSDT |
| 9 | Biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có) |
| 10 | Tờ trình phê duyệt KQLCNT |
| 11 | Báo cáo thẩm định KQLCNT |
| 12 | Quyết định phê duyệt KQLCNT |
| 13 | Hoàn thiện hợp đồng |
| 14 | Hợp đồng |